

Bản án số: 358/2019/HNGĐ-ST;
Ngày: 04/4/2019.
V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Túy Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Võ Văn Tốt.

2/Ông Nguyễn Văn Tiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Hoàng Trúc – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1477/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị B – Sinh năm 1978;

Địa chỉ: 89/4, Đường TCH26, Khu phố 8, phường TCH, Quận 12, TP.HCM (có mặt).

* Bị đơn: Ông Đỗ Thành H – Sinh năm 1976;

Địa chỉ: 89/4, Đường TCH26, Khu phố 8, phường TCH, Quận 12, TP.HCM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2018, bản tự khai ngày 31/10/2018, các biên bản hòa giải ngày 04/01/2019, 22/01/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/01/2019 thì nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Bà và ông Đỗ Thành H quen biết nhau do tự nguyện tìm hiểu. Năm 2000, được sự đồng ý của hai bên gia đình, bà và ông H có tổ chức lễ cưới, và có đăng

ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2000, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã TVT, huyện BC, tỉnh BD cấp ngày 03/01/2000.

Thời gian đầu, vợ chồng bà sống hạnh phúc. Năm 2003, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện đánh đập bà không thương tiếc. Bà đã nhiều lần khuyên chồng nhưng ông H không thay đổi. Dù vậy, bà vẫn cố gắng chịu đựng vì các con. Năm 2018, ông H kiếm chuyện đánh đập bà nhiều hơn nên bà và các con trốn về nhà cha mẹ ruột của bà sinh sống và vợ chồng bà sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi sống ly thân, ông H không phụ giúp bà tiền bạc để lo cho các con mà còn tìm bà để hù dọa và gây khó khăn cho cuộc sống của mẹ con bà. Do vậy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Thành H.

Về con chung: Bà và ông H có với nhau 02 (hai) người con tên Đỗ Trần Thái Th, sinh ngày 22/12/2000 và Đỗ Thái B, sinh ngày 15/10/2011. Bà B yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12 đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn – ông Đỗ Thành H. Tuy nhiên, bị đơn đã không có bất kỳ ý kiến nào về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân Quận 12 tiếp tục tiến hành triệu tập các đương sự tham gia các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ. Tuy nhiên, bị đơn thường xuyên, liên tục vắng mặt không có lý do nên việc hòa giải đã không thể tiến hành. Vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 14 tháng 3 năm 2019, bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt và giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu như đã trình bày trước đây trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị B yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Thành H. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn đang cư trú tại 89/4 Đường TCH26, Khu phố 8, phường TCH, Quận 12, TP.HCM. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, TP.HCM.

2/ Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

* Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị B và ông Đỗ Thành H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2000, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã TVT, huyện BC, tỉnh BD cấp ngày 03/01/2000. Vợ chồng bà B – ông H có 02 (hai) con chung tên Đỗ Trần Thái Th, sinh ngày 22/12/2000 và Đỗ Thái B, sinh ngày 15/10/2011.

Nay bà Trần Thị B yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Thành H.

Về con chung: Bà B yêu cầu được nuôi con 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B xác định không có.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông H đến Tòa án để tiến hành thu thập chứng cứ và hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà B và ông H nhưng ông H không đến Tòa làm việc. Điều này chứng tỏ ông H không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà B. Mặt khác, theo kết quả trả lời xác minh thì Ủy ban nhân dân phường TCH, Quận 12 cho biết hiện nay bà B và ông H không còn sống chung tại địa phương do bà B dọn nhà đi. Do đó, đã có đủ cơ sở để xác định quan hệ tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không còn, tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thực sự là trầm trọng, mục đích hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc thực sự không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bà B và ông H có với nhau 02 (hai) người con chung tên Đỗ Trần Thái Th, sinh ngày 22/12/2000 và Đỗ Thái B, sinh ngày 15/10/2011. Tại thời điểm bà B nộp đơn ly hôn, trẻ Đỗ Trần Thái Th chưa tròn 18 (mười tám) tuổi nên bà B yêu cầu được nuôi cả 02 trẻ Th và B. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, trẻ Th sinh ngày 22/12/2000 nên đã hơn 18 tuổi. Theo quy định tại Điều 20 Bộ luật dân sự năm 2015 thì người thành niên là người từ đủ mười tám tuổi trở lên. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 thì sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Trong trường hợp này, trẻ Th là người đã thành niên. Do vậy, Tòa án không giao trẻ Th cho bà B nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà B luôn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Thái B và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, còn ông H không đến Tòa nên không thể hiện được nguyện vọng của ông về việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, bản tự khai ngày 31/10/2018 thì trẻ B có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con chung tên Đỗ Thái B cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ B. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H cho đến khi một trong hai bên có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những phân tích trên, xét ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và căn cứ pháp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần tuyên bố nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao con chung tên Đỗ Thái B, sinh ngày 15/10/2011 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H cho đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

* Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B. Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Đỗ Thành H.

- Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Thái B, sinh ngày 15/10/2011 cho bà Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đỗ Thành H cho đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà B xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị B chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp khi khởi kiện là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045166 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, TP.HCM. Bà Trần Thị B đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2000, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã TVT, huyện BC, tỉnh BD cấp ngày 03/01/2000 không còn giá trị.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- UBND xã TVT, huyện BC, tỉnh BD;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Túy Như

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Túy Như